|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT HẢI DƯƠNG  **TRƯỜNG THPT CHUYÊN**  **NGUYỄN TRÃI**  **ĐỀ CHÍNH THỨC**  **ĐỀ** | **KỲ THI NĂNG KHIẾU LẦN V**  **NĂM HỌC 2016 - 2017**  **MÔN: ĐỊA LÍ 10**  *Thời gian làm bài: 180 phút (không kể thời gian giao đề)*  (Đề thi có 01 trang, gồm 05 câu)  **Ngày thi: 27 tháng 3 năm 2017** |

**Câu I:** *(2,0 điểm)*

1. Trình bày ảnh hưởng của con người đến sự phân bố sinh vật trên Trái Đất ?

2. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa trên Trái Đất.

**Câu II:** *(1,0 điểm)*

Trình bày đặc điểm dân số hoạt động kinh tế trên thế giới? Vì sao tỉ lệ dân số hoạt động kinh tế trong khu vực I của nhiều nước trên thế giới có xu hướng giảm?

**Câu III:** *(2,0 điểm)*

1. Giải thích tình hình phát triển thủy sản trên Thế giới.

2. Tại sao các thành phố lớn trên thế giới cũng đồng thời là các trung tâm dịch vụ lớn trên thế giới hiện nay?

**Câu IV:** *(3,0 điểm)*

Cho bảng số liệu:

**Sản lượng lương thực và dân số Thế giới thời kì 1970 - 2013**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1970** | **1980** | **1990** | **2000** | **2005** | **2013** |
| Sản lượng lương thực *(triệu tấn)* | 1213 | 1561 | 1950 | 2060 | 2080 | 2518 |
| Dân số *(triệu người)* | 3708 | 4454 | 5275 | 6078 | 6477 | 7137 |

1. Vẽ biểu đồ thể hiện sự thay đổi sản lượng lương thực và dân số thế giới thời kì 1970 -2013.

2. Nhận xét và giải thích.

**Câu V:** *(2,0 điểm)*

1. Tại sao Duyên hải Nam Trung Bộ có điểm mưa ít nhất nước ta?

2.Phân tích đặc điểm phân bố của các dân tộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

------------------------Hết------------------------

*(Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam tái bản chỉnh lí và bổ sung, năm 2009)*

*Họ và tên thí sinh...............................................Số báo danh........................................*

*Chữ ký của giám thị 1..........................................................*

*Chữ ký của giám thị 2........................................................*

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**ĐỀ THI NĂNG KHIẾU LẦN V, MÔN ĐỊA LÍ 10 NĂM HỌC 2016 - 2017**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **I**  **2đ** | ***1. Ảnh hưởng của con người đến sự phân bố sinh vật trên Trái Đất*** | **1,00** |
| **-** Ảnh hưởng tích cực: |  |
| + Thay đổi phạm vi phân bố cây trồng, vật nuôi. | 0,25 |
| + Trồng rừng. | 0,25 |
| **-** Ảnh hưởng tiêu cực: |  |
| + Làm tăng nguy cơ tuyệt chủng của các loài sinh vật. | 0,25 |
| + Làm giảm mật độ sinh vật ở nhiều nơi. | 0,25 |
| **2.** **Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến phân bố lượng mưa.** | **1,00** |
| - Khí áp và gió: Vùng khí áp thấp thường mưa nhiều, các khu áp cao mưa ít. Vùng chịu ảnh hưởng của gió mùa và gió biển thì mưa nhiều, vùng có gió mậu dịch thì mưa ít. | 0,25 |
| - Frông: Nơi có Frông nhất là dải hội tụ nhiệt đới đi qua thường mưa nhiều. | 0,25 |
| - Dòng biển: Nơi có dòng biển nóng chảy qua thì mưa nhiều, dòng biển lạnh đi qua thì mưa ít. | 0,25 |
| - Địa hình: Sườn đón gió mưa nhiều, sườn khuất gió mưa ít. Lượng mưa còn thay đổi theo độ cao địa hình. | 0,25 |
| **II**  **1đ** | **Trình bày đặc điểm dân số hoạt động kinh tế trên thế giới ?** | **0,50** |
| - Là một bộ phận của nguồn lao động. Bao gồm dân số hoạt động kinh tế thường xuyên và không thường xuyên. Tỉ lệ dân số hoạt động kinh tế so với tổng số dân phụ thuộc vào cơ cấu dân số theo tuổi, đặc điểm kinh tế xã hội và khả năng tạo việc làm cho những người lao động | 0,25 |
| - Hiện nay dân số hoạt động kinh tế trên thế giới là 2,9 tỉ người chiếm 48% tổng số dân hay 77% dân số trong độ tuổi lao động. Trong hơn 2 thập kỉ qua dân số hoạt động kinh tế tăng thêm hơn 900 triệu người. Tỉ lệ dân số hoạt động kinh tế phân theo khu vực I, II, III có sự thay đổi theo không gian và thời gian. | 0,25 |
| **Vì sao tỉ lệ dân số hoạt động kinh tế trong khu vực I của nhiều nước trên thế giới có xu hướng giảm?** | **0,50** |
| - Sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ tạo nhiều thiết bị máy móc, KHKT hiện đại => giải phóng lao động nông nghiệp và tạo ra nhiều việc làm cho người lao động; kết hợp với vai trò của giáo dục đào tạo… | 0,25 |
| - Nông nghiệp có năng suất lao động và thu nhập thấp, .... | 0,25 |
| **III**  **2đ** | **1. Giải thích tình hình phát triển thủy sản trên Thế giới.** | **1,00** |
| - Ngành thuỷ sản phát triển do: nhu cầu ngày càng tăng của người dân và các ngành công nghiệp chế biến thuỷ sản; ứng dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật để hiện đại hoá phương tiện khai thác, mở rộng ngư trường; đẩy mạnh nuôi thuỷ sản… | 0,50 |
| - Ngành khai thác thuỷ sản phát triển chậm do phụ thuộc nhiều vào tự nhiên; nguồn lợi hải sản suy thoái… | 0,25 |
| - Ngành nuôi trồng phát triển mạnh do có nhiều lợi thế: phát triển muộn hơn nên còn nhiều khả năng mở rộng diện tích nuôi, có khả năng nuôi thâm canh năng suất cao; chủ động đối tượng nuôi và thời điểm thu hoạch mang hiệu quả cao hơn và đáp ứng tốt hơn cho yêu cầu của thị trường. | 0,25 |
| **2.** **Tại sao các thành phố lớn trên thế giới cũng đồng thời là các trung tâm dịch vụ lớn trên thế giới hiện nay?** | **1,00** |
| Thành phố là nơi tập trung rất đa dạng các dịch vụ sản xuất, dịch vụ tiêu dùng và dịch vụ công. Bộ mặt của thành phố gắn liền với các hoạt động dịch vụ. Các thành phố lớn trên thế giới cũng đồng thời là các trung tâm dịch vụ lớn vì: | 0,25 |
| - Thành phố là nơi tập trung đông dân cư với mật độ dân số cao, nhìn chung có mức sống cao, nhu cầu về dịch vụ rất đa dạng và phức tạp. Đồng thời, phần lớn nhu cầu của dân cư được đáp ứng nhờ nguồn cung cấp từ bên ngoài ( lương thực, thực phẩm,…). Do vậy, hoạt động dịch vụ tiêu dùng phát triển rất mạnh ở các thành phố lớn. | 0,25 |
| - Thành phố, đặc biệt là các thành phố lớn thường là các trung tâm công nghiệp, trung tâm kinh tế lớn vì vậy các hoạt động dịch vụ sản xuất, kinh doanh phải được phát triển một cách tương xứng. | 0,25 |
| - Nhiều thành phố còn là các trung tâm chính trị của cả nước vì vậy các dịch vụ về hành chính, văn hóa, giáo dục,..cũng tập trung ở đây. | 0,25 |
| **IV**  **3đ** | **1. Vẽ biểu đồ** | **1,00** |
| Vẽ biểu đồ đường - cột (biểu đồ khác không cho điểm) Đảm bảo chính xác, thẩm mĩ, đủ tên, chú giải, SL (*Thiếu hoặc sai 1 yếu tố trừ 0.25 điểm) – Tham khảo biểu đồ sau*  **SƯ THAY ĐỔI SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC VÀ DÂN SỐ THẾ GIỚI THỜI KÌ 1970 - 2013** |  |
| ***2.1. Nhận xét:***  - Sản lương lương thực, Dân số và BQLT đều tăng (CMSL)  - Tốc độ tăng khác nhau (CMSL)  *(có thể lập bảng – kết hợp dùng để nhận xét)*  BÌNH QUÂN LƯƠNG THỰC TRÊN NGƯỜI   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **1970** | **1980** | **1990** | **2000** | **2005** | **2013** | | BQLT (kg/người) | 327.1 | 350.5 | 369.7 | 338.9 | 321.1 | 352.8 |   TỐC ĐỘ TĂNG CỦA SLLT, DS VÀ BÌNH QUÂN LƯƠNG THỰC (%)   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **1970** | **1980** | **1990** | **2000** | **2005** | **2013** | | Sản lương lương thực | 100 | 128.7 | 124.9 | 105.6 | 101.0 | 121.1 | | Dân số | 100 | 120.1 | 118.4 | 115.2 | 106.6 | 110.2 | | BQLT | 100 | 107.1 | 105.5 | 91.7 | 94.8 | 109.9 | | 0,50  0,50 |
| ***2.2.Giải thích:***  - Sản lương lương thực tăng do tăng năng suất, tăng vụ….Tuy nhiên không ổn định do thiên tai…  - Dân số tăng do gia tăng tự nhiên..  - Bình quân tăng do dân số tăng chậm hơn SLLT… | 0,50  0,25  0,25 |
| **V**  **2đ** | **1. Tại sao Duyên hải Nam Trung Bộ có điểm mưa ít nhất nước ta?** | **0,50** |
| Nơi mưa ít nhất là khu vực duyên hải cực Nam Trung Bộ (Ninh Thuận) do: |  |
| + hướng địa hình, hướng đường bờ biển song song với hướng gió | 0,25 |
| + trồi lạnh ven biển. | 0,25 |
| **2. Phân tích đặc điểm phân bố của các dân tộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.** | **1,50** |
| - Khái quát:  + Đây là vùng có thành phần dân tộc đa dạng nhất nước ta.  + Các dân tộc tại đây không có địa bàn cư trú riêng rẽ mà ở xen kẽ nhau. Mỗi dân tộc lại thường cư trú đan xen với dân tộc khác ở những khu vực khác nhau. | 0.25  0.25 |
| - Phân tích đặc điểm: |  |
| + Dân tộc Việt (Kinh) thuộc nhóm ngôn ngữ Việt-Mường, ngữ hệ dòng Nam Á, phân bố ở hầu hết các tỉnh trong vùng, nhưng tập trung nhiều nhất ở các tỉnh trung du và các đô thị thuộc tỉnh miền núi. | 0,25 |
| + Các dân tộc ít người trong vùng phân bố ở các khu vực miền núi:  ./. Đại bộ phận khu vực miền núi BB là địa bàn cư trú của các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tày-Thái (diễn giải).  ./. Dọc biên giới Việt-Trung (Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu) là các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng-Miến (ngũ hệ Hán-Tạng)  ./. Dọc biên giới Việt-Lào (Điện Biên, Sơn La) là các dân tộc thuộc nhóm Môn-Khơme : Khơmú, Xinh Mun, Kháng,… | 0,50 |
| + Nếu xét sự phân tầng cư trú theo độ cao thì ở rẻo thấp nhất có các dân tộc Tày, Nùng,… Ở rẻo giữa có các dân tộc Dao, Khơmú và rẻo trên cùng là người H’Mông (ngữ hệ H’Mông-Dao). | 0,25 |
| **Tổng: Câu I + II + III + IV** | | **10,00** |